



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

## Research on the Criminal Liability of Legal Persons under Belgian Criminal Law

Trinh Quoc Toan\*

*VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Ha Noi, Vietnam*

Received 14<sup>th</sup> January 2026

Revised 25<sup>th</sup> August 2026; Accepted 25<sup>th</sup> September 2026

**Abstract:** This article focuses on examining and analyzing the criminal liability of legal persons under the law of Belgium from several perspectives: the legislative history of criminal law governing the criminal liability of legal persons; the scope and conditions for attributing criminal liability to legal persons; the system of penalties applicable to legal persons that commit criminal offences; and the specific procedural rules applicable to legal persons in criminal proceedings. At the same time, the article explores the factors that have led to the recognition and consolidation of the regime of criminal liability of legal persons in Belgium. Based on this analysis, the article draws conclusions and offers recommendations to further improve the regime of criminal liability of legal persons in Vietnamese law.

**Keywords:** Legal persons, criminal liability, criminal law, criminal procedure law, Belgium, Vietnam.

---

\* Corresponding author.

E-mail address: [toantrinh@gmail.com](mailto:toantrinh@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4842>

# Nghiên cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự của Bỉ

Trịnh Quốc Toàn\*

*Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Việt Nam*

Nhận ngày 14 tháng 01 năm 2026

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 8 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 9 năm 2026

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung nghiên cứu và phân tích trách nhiệm hình sự của pháp nhân theo pháp luật của Bỉ trên các bình diện: Lịch sử lập pháp hình sự về trách nhiệm hình sự của pháp nhân; phạm vi và điều kiện quy kết trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân; hệ thống hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội; cũng như các quy định tố tụng đặc thù áp dụng trong các vụ án hình sự đối với pháp nhân. Đồng thời, bài viết làm rõ những yếu tố dẫn đến việc thừa nhận và củng cố chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật Bỉ. Trên cơ sở phân tích đó, bài viết rút ra các kết luận và đưa ra những kiến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật Việt Nam.

**Từ khóa:** pháp nhân, trách nhiệm hình sự, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, Bỉ, Việt Nam.

## 1. Dẫn nhập

Trách nhiệm hình sự (TNHS) của pháp nhân là một trong những vấn đề lý luận và thực tiễn phức tạp của luật hình sự (LHS) đương đại. Mặc dù chế định này đã được hình thành tương đối sớm trong một số hệ thống pháp luật châu Âu [1] nhưng trong một thời gian dài TNHS chỉ đặt ra đối với cá nhân, còn đối với pháp nhân nguyên tắc *societas delinquere non potest* (pháp nhân không thể phạm tội) vẫn chi phối trong tư duy LHS truyền thống của nhiều nước. Nhưng kể từ thập niên 1990, cùng với quá trình hội nhập châu Âu và sự phát triển của các điều ước quốc tế, nhất là sự gia tăng của tội phạm gắn liền với hoạt động của các pháp nhân, mô hình vốn chỉ thừa nhận cá nhân là chủ thể của tội phạm và phải chịu TNHS đã bộc lộ những hạn chế đáng kể [2]. Điều đó đã thúc đẩy nhiều quốc gia, đặc biệt tại châu Âu,

chuyển sang thừa nhận và từng bước hoàn thiện chế định TNHS của pháp nhân, trong đó có Bỉ [3].

Tại Bỉ, Luật ngày 4/5/1999 đã chính thức ghi nhận TNHS của pháp nhân và sau đó được sửa đổi, bổ sung vào năm 2018. Đến năm 2024, sau hơn 25 năm được kiểm nghiệm trong thực tiễn, với nhu cầu đơn giản hóa, hợp lý hóa và hệ thống hóa, bằng việc ban hành BLHS mới, chế định TNHS của pháp nhân được tổ chức lại và hoàn thiện, hướng tới tính dự đoán, dễ áp dụng và hiệu quả thực thi cao hơn. TNHS của pháp nhân đã được tích hợp vào chính sách hình sự (CSHS) phòng ngừa và quản trị rủi ro ở nước này.

Tại Việt Nam, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025), lần đầu tiên ghi nhận TNHS của pháp nhân thương mại (PNTM), đánh dấu sự thay đổi quan trọng trong CSHS, phù hợp với xu hướng phát triển của LHS hiện đại và các cam kết quốc tế của Việt Nam. Tuy

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: toantrinh@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4842>

nhiên, chế định này vẫn còn một số hạn chế nhất định, như: phạm vi chủ thể chịu TNHS của pháp nhân còn hẹp; phạm vi TNHS của pháp nhân chỉ được giới hạn đối với một số tội danh nhất định; các điều kiện truy cứu TNHS còn mang tính cá nhân hóa cao; đồng thời, pháp luật hiện hành chưa xây dựng được một học thuyết độc lập và đầy đủ về lỗi của pháp nhân, mà về cơ bản vẫn xác định lỗi của pháp nhân thông qua hành vi và lỗi của cá nhân có liên quan...

Để góp phần tiếp tục đổi mới BLHS năm 2015 trong tương lai liên quan đến chế định TNHS của pháp nhân, việc nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp của Bỉ, nhất là sau các cải cách năm 2018 và 2024 là cần thiết. Đó là những gợi ý lập pháp có giá trị trong bối cảnh thực tiễn phát triển của tội phạm, khi hoạt động phạm tội ngày càng gắn liền với hoạt động của các pháp nhân, thường có quy mô rất lớn, vượt quá những giới hạn mà xã hội, thậm chí cả Nhà nước, có thể chấp nhận.

Về phạm vi, bài viết tập trung phân tích các vấn đề cơ bản của chế định này trong pháp luật của Bỉ, bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển chế định TNHS của pháp nhân; cơ sở và điều kiện quy kết TNHS đối với pháp nhân; phạm vi chủ thể và phạm vi tội phạm mà pháp nhân có thể phải chịu TNHS; mối quan hệ giữa TNHS của pháp nhân và TNHS của cá nhân; hệ thống hình phạt và các biện pháp xử lý áp dụng đối với pháp nhân; các quy định tổ tụng hình sự (TTHS) đặc thù đối với pháp nhân. Trên cơ sở đó, bài viết làm rõ sự vận động của CSHS ở Bỉ, đồng thời đánh giá những điểm mới và ý nghĩa của các cải cách chế định này trong pháp luật Bỉ.

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích và phương pháp luật học so sánh để làm rõ nội dung, cơ sở lý luận và sự phát triển của các quy định về TNHS của pháp nhân trong pháp luật Bỉ. Phương pháp lịch sử - pháp lý được sử dụng nhằm nhận diện quá trình phát triển của chế định TNHS của pháp nhân qua các giai đoạn cải cách quan trọng. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu một số quy định và cách tiếp cận của pháp luật Bỉ với pháp luật Việt Nam, qua đó nhận

diện những điểm tương đồng, khác biệt và những kinh nghiệm có thể tham khảo trong quá trình tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự (PLHS) Việt Nam về TNHS của pháp nhân.

## **2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự của Bỉ**

Trong hơn 130 năm kể từ khi có BLHS 1867, PLHS Bỉ chỉ chấp nhận nguyên tắc TNHS của cá nhân, còn pháp nhân không phải chịu TNHS. Đây là giải pháp đã được chia sẻ bởi đại đa số các nhà khoa học hình sự của nước này. Theo J.J. Haus - một nhà khoa học hình sự nổi tiếng của Bỉ, không thể quy kết một tội phạm nào đó cho một trừu tượng pháp lý (fiction juridique) không có trí tuệ, năng lực nhận thức, mong muốn cá nhân. Trí tuệ, năng lực nhận thức, ý chí chỉ có ở con người cụ thể bằng da, bằng thịt và đang sống [4]. Còn theo J. Constant, một nguyên tắc quan trọng của LHS là không có lỗi không phải chịu TNHS. Pháp nhân không có khả năng hành động trực tiếp, cụ thể, cũng như nó không thể phạm lỗi nên không thể bị quy kết TNHS. Chỉ có con người cụ thể, mà thông qua nó pháp nhân hành động, hưởng thụ ý chí tự do, mới có thể bị trách cứ và vì vậy mới có thể bị trừng trị về hình sự [5].

Nguyên tắc pháp nhân không phải chịu TNHS cũng được thể hiện trong thực tiễn xét xử của các Tòa án Bỉ. Nhiều phán quyết của Tòa án tối cao Bỉ đã chỉ rõ: Trừ những trường hợp luật quy định khác, một hội hoặc một hiệp hội nào đó với tư cách là sự tồn tại tâm lý hoặc tập thể sẽ không thể bị trừng phạt về hình sự. Thực tế cho thấy, chỉ có những cá nhân- thông qua họ mà hội hoặc hiệp hội hành động, mới là chủ thể của tội phạm và cần bị truy cứu TNHS [6].

Mặc dù LHS của Bỉ trong thời kỳ trước khi có Luật ngày 4/5/1999 không ghi nhận chế định TNHS của pháp nhân, nhưng trách nhiệm pháp lý trong một số lĩnh vực pháp luật khác lại được quy định áp dụng đối với pháp nhân, ví dụ Điều 9 Luật ngày 22/1/1945 về giá cho phép Thẩm phán quyết định trong khi trừng phạt cá nhân về mặt hình sự, đồng thời có thể ra lệnh đóng cửa

nhà máy, xí nghiệp [7]. Hoặc Điều 109 của Luật ngày 14/7/1991 về các hoạt động thương mại và thông tin, quy định rằng các công ty và hiệp hội có tư cách pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự đối với các bản án tuyên bồi thường thiệt hại, tiền phạt, án phí, tịch thu, và mọi hình thức chế tài tài chính khác được áp dụng do vi phạm các quy định của luật này, khi các vi phạm đó do các cơ quan hoặc người làm công của họ thực hiện [8]. Ngoài ra, còn có nhiều đạo luật khác, nhất là về lĩnh vực kinh tế và tài chính, đã quy định các pháp nhân chịu trách nhiệm dân sự liên đới về các khoản tiền phạt áp dụng đối với cá nhân, cơ quan hoặc người được ủy quyền của pháp nhân vi phạm.

Một điều đáng chú ý, tuy trong thời gian dài Tòa án Bì không thừa nhận TNHS của pháp nhân, nhưng từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai có nhiều phán quyết của Tòa án tối cao nhấn mạnh nghĩa vụ tôn trọng các đạo luật và sắc lệnh thuộc về phận sự của các pháp nhân, cũng như của cá nhân. Pháp nhân cũng có thể thực hiện một hành vi phạm tội hoặc một hành vi vi phạm pháp luật khác thông qua cơ quan hoặc người đại diện của mình, tuy nhiên, không thể áp dụng hình phạt hình sự đối với pháp nhân [9]. Điều này có nghĩa là pháp nhân có thể bị quy kết về một tội phạm do cơ quan hoặc người được ủy quyền của pháp nhân thực hiện trong khuôn khổ các hoạt động của pháp nhân hoặc vì lợi ích của pháp nhân, nhưng pháp nhân không bị trừng phạt, mà việc truy cứu TNHS và áp dụng hình phạt chỉ đặt ra đối với cá nhân cụ thể phạm tội.

Tư duy pháp lý pháp nhân không thể phạm tội (*societas delinquere non potest*), và pháp nhân có thể phạm tội nhưng không thể bị trừng phạt (*societas delinquere potest sed non puniri*) đã chi phối trong một thời gian dài trong khoa học LHS, luật thực định và trong án lệ của Bỉ như đã phân tích ở trên, nhưng kể từ năm 1999, nó đã bị thay đổi với việc nhà lập pháp nước này thông qua Luật ngày 4/5/1999, bổ sung Điều 5 mới vào BLHS như sau: “Mọi pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi phạm tội gắn liền một cách nội tại với việc thực hiện mục đích của mình hoặc với việc bảo vệ các lợi ích của mình, hoặc đối với những hành vi mà

các tình tiết cụ thể cho thấy chúng đã được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân đó.

Khi trách nhiệm của pháp nhân chỉ phát sinh do sự can thiệp của một cá nhân đã được xác định, thì chỉ người đã thực hiện lỗi nghiêm trọng nhất mới có thể bị kết án. Nếu cá nhân đã được xác định thực hiện lỗi một cách có ý thức và tự nguyện, thì người đó có thể bị kết án đồng thời với pháp nhân chịu trách nhiệm” [10].

Luật ngày 4/5/1999 đánh dấu bước ngoặt nền tảng của LHS Bỉ, bởi lần đầu tiên thừa nhận khả năng pháp nhân phải chịu TNHS độc lập. Pháp nhân có thể bị truy cứu TNHS ngay cả khi cá nhân, thông qua họ pháp nhân hành động, không bị coi là có lỗi hoặc không thể xác định được danh tính [11].

Theo quy định tại Điều 5 BLHS nêu trên, pháp nhân chịu TNHS nếu hành vi gắn nội tại với việc thực hiện mục tiêu (*objet social*), hoặc nhằm bảo vệ lợi ích của pháp nhân, hoặc được thực hiện cho lợi ích của pháp nhân (*pour son compte*). Đây là mô hình quy kết chức năng - mục đích, không phải trách nhiệm khách quan.

Hai mươi năm sau, vào ngày 11/7/2018, một đạo luật mới đã được thông qua sửa đổi khuôn khổ pháp lý hiện hành về nguyên tắc TNHS của pháp nhân. Điều 5 BLHS (sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định “Mọi pháp nhân đều phải chịu TNHS đối với những hành vi phạm tội có mối liên hệ nội tại với việc thực hiện mục đích hoạt động của mình hoặc với việc bảo vệ các lợi ích của mình, hoặc đối với những hành vi mà các tình tiết thực tế cụ thể chứng minh rằng chúng được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân đó.

... TNHS của pháp nhân không loại trừ trách nhiệm hình sự của các cá nhân là chủ thể của cùng hành vi đó hoặc đã tham gia vào các hành vi đó...” [12].

Theo quy định nêu trên, có hai đổi mới quan trọng về TNHS của pháp nhân, nhằm khắc phục những bất cập trong thực tiễn áp dụng, giảm thiểu các trường hợp miễn trừ TNHS không hợp lý và tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm do pháp nhân thực hiện, đó là: Thứ nhất, hệ thống phức tạp điều chỉnh TNHS đồng thời của pháp nhân và cá nhân đã bị bãi bỏ. Thứ

hai, xóa bỏ quyền miễn trừ truy cứu TNHS của một số pháp nhân công quyền, đặc biệt là các đô thị (municipalities) và Nhà nước Liên bang.

Đến ngày 22/2/2024, Quốc hội Bỉ đã thông qua BLHS mới, có hiệu lực thi hành từ ngày 8/4/2026. BLHS này không xóa bỏ mô hình TNHS của pháp nhân đã được thiết lập từ năm 1999, mà là một cuộc cải cách sâu rộng đánh dấu bước chuyển hóa cấu trúc trong tư duy về TNHS của pháp nhân, vượt ra khỏi khuôn khổ điều chỉnh rải rác trước đây để thiết lập một hệ thống trách nhiệm thống nhất, hiện đại và mang tính lý luận cao, khẳng định pháp nhân là chủ thể của tội phạm và là chủ thể độc lập của TNHS, bình đẳng về nguyên tắc với cá nhân. Điều 18 BLHS quy định: *“Mọi pháp nhân đều phải chịu TNHS đối với các hành vi phạm tội gắn liền một cách nội tại với việc thực hiện mục đích hoạt động của mình hoặc với việc bảo vệ các lợi ích của mình, hoặc đối với những hành vi mà các tình tiết cụ thể cho thấy chúng được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân...”* [13].

Bên cạnh đó BLHS mới thiết lập hệ thống hình phạt mới với các thang hình phạt chính dành riêng cho pháp nhân phạm tội, không phải chuyển đổi hình phạt của cá nhân người phạm tội cho pháp nhân phạm tội như cơ chế cũ quy định tại Điều 41bis BLHS năm 1867, và qua đó thừa nhận pháp nhân là một chủ thể chịu TNHS độc lập về mặt chế tài; tạo điều kiện cá thể hóa hình phạt phù hợp với bản chất của pháp nhân, tổ chức. Đây được coi là nội dung đổi mới lớn nhất và thực chất nhất liên quan đến TNHS của pháp nhân.

### 3. Quy định của pháp luật hiện hành về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

#### 3.1. Chủ thể chịu trách nhiệm hình sự là pháp nhân

Từ Luật ngày 4/5/1999 và được kế thừa, hệ thống hóa trong BLHS mới năm 2024, pháp luật Bỉ chính thức thừa nhận pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm, bên cạnh cá nhân.

Theo Điều 17 BLHS quy định, chủ thể của tội

phạm là cá nhân hoặc pháp nhân hội tụ đủ các yếu tố cấu thành của tội phạm, hoặc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 về phạm tội chưa đạt hoặc đồng phạm, đồng thời thực hiện hành vi phạm tội theo một trong các phương thức sau đây:

*Một là* tự mình trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội;

*Hai là*, sử dụng người khác như một công cụ đơn thuần để thực hiện hành vi phạm tội;

*Ba là*, cố ý hợp tác với người khác trong thực hiện hành vi phạm tội.

Quy định tại Điều 17 nêu trên cho thấy, LHS Bỉ không chỉ xác định chủ thể của tội phạm là cá nhân mà còn xác lập pháp nhân có khả năng trực tiếp tham gia vào cơ chế thực hiện tội phạm. Đặc biệt, pháp nhân không chỉ có thể phải chịu TNHS do hành vi của cá nhân thực hiện nhân danh mình, mà còn được thừa nhận là một chủ thể có khả năng thực hiện hành vi phạm tội theo những phương thức được luật định.

Cụ thể hóa nguyên tắc trên, Điều 18 BLHS quy định các pháp nhân, bao gồm cả pháp nhân theo luật tư và pháp nhân theo luật công, đều có thể là chủ thể trực tiếp và độc lập của TNHS khi đáp ứng các điều kiện luật định. Theo đó, TNHS của pháp nhân được đặt ra đối với những hành vi phạm tội “gắn liền một cách nội tại với việc thực hiện mục đích hoạt động của mình hoặc với việc bảo vệ các lợi ích của mình”, hoặc những hành vi mà “các tình tiết cụ thể cho thấy chúng được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân”.

#### 3.1.1. Pháp nhân theo luật tư (personnes morales de droit privé)

Pháp nhân loại này bao gồm nhiều loại hình tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập và hoạt động theo pháp luật tư, trong đó chủ yếu là các công ty, hiệp hội và quỹ. Theo Bộ luật Công ty và Hiệp hội (*Code des sociétés et des associations-CSA*) năm 2019 [14], pháp nhân theo luật tư ở Bỉ có thể là:

- Các công ty (*sociétés*): Các công ty dân sự (*la société simple*), công ty hợp danh (*la société en nom collectif*), công ty hợp danh hữu hạn (*la société en commandite simple*), công ty cổ phần

và công ty cổ phần giản lược (*la société anonyme et la société par actions simplifiée*), công ty hợp danh hữu hạn cổ phần (*la société en commandite par actions*), công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty trách nhiệm hữu hạn giản lược (*la société à responsabilité limitée et la société à responsabilité limitée simplifiée*), công ty hợp tác (*la société coopérative*).

- Các hiệp hội (*associations*), bao gồm: Hiệp hội không vì mục đích lợi nhuận (*association sans but lucratif*) và Hiệp hội quốc tế không vì mục đích lợi nhuận (*association internationale sans but lucratif*).

Hai loại hiệp hội này được thành lập trong các lĩnh vực xã hội, văn hóa, giáo dục, nhân đạo, môi trường..., có tư cách pháp nhân, theo đuổi mục đích không vì lợi nhuận được quy định tại quyền IX và X- CSA. Bên cạnh đó ở Bỉ còn có những hiệp hội thực tế (*association de fait*) không đăng ký, không có tư cách pháp nhân, không được quy định bởi CSA.

- Các quỹ (*fondations*), được điều chỉnh tại quyền XI-CSA, gồm có hai loại hình: quỹ tư (*Fondation privée*) và quỹ vì lợi ích công cộng (*Fondation d'utilité publique*). Quỹ tư do một hoặc nhiều cá nhân hoặc một hoặc pháp nhân thành lập, nhằm theo đuổi mục đích không vì lợi nhuận, có tư cách pháp nhân. Quỹ vì lợi ích công cộng được thành lập vì mục đích phục vụ công cộng và được nhà nước công nhận.

- Các pháp nhân châu Âu (*la société européenne*), như: các công ty hợp tác châu Âu (*la société coopérative européenne*), các đảng chính trị và quỹ chính trị châu Âu (*le parti politique européen et la fondation politique européenne*), nhóm lợi ích kinh tế châu Âu (*le groupement européen d'intérêt économique*).

Nhìn chung, theo Điều 18 BLHS, pháp nhân theo luật tư có thể là chủ thể của tội phạm và là chủ thể của TNHS nếu đáp ứng các điều kiện theo luật định. Bên cạnh đó, điều luật này còn mở rộng khả năng áp dụng TNHS đối với một số nhóm chủ thể nhất định không có tư cách pháp nhân, trong đó có các công ty dân sự đơn giản (*Sociétés simples*) và các công ty thương mại đang trong quá trình thành lập. Điều này cho thấy

pháp luật Bỉ hướng đến việc xác định TNHS của pháp nhân dựa nhiều hơn vào bản chất của tổ chức, hoạt động của tổ chức và mối liên hệ giữa hành vi phạm tội với tổ chức, thay vì chỉ dựa trên các tiêu chí hình thức về tư cách pháp nhân. Việc mở rộng TNHS đối với các tổ chức không có tư cách pháp nhân nhằm tránh sự phân biệt đối xử giữa các tổ chức kinh tế có bản chất và hoạt động tương tự. Sẽ không đúng, không hợp lý nếu cùng loại hành vi phạm tội được thực hiện trong những bối cảnh kinh tế giống nhau lại dẫn đến những khả năng truy cứu TNHS khác nhau, chỉ vì tổ chức thực hiện hành vi có hoặc không có tư cách pháp nhân [15].

Nhìn chung, phạm vi chủ thể chịu TNHS theo pháp luật Bỉ được xác định rộng, không chỉ giới hạn ở các pháp nhân hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận mà còn bao gồm các hiệp hội, quỹ và những pháp nhân theo luật tư khác. Ngoài ra, TNHS còn mở rộng đối với một số nhóm tổ chức không có tư cách pháp nhân.

Cách tiếp cận này của Bỉ khác biệt so với PLHS Việt Nam. Theo BLHS năm 2015, chủ thể chịu TNHS của pháp nhân được giới hạn ở PNTM. Pháp luật Việt Nam hiện hành không thừa nhận khả năng chịu TNHS của mọi pháp nhân theo luật tư mà xác định một phạm vi chủ thể tương đối hẹp, dựa trên tiêu chí PNTM theo Điều 74 Bộ luật dân sự năm 2015. Các cách tiếp cận khác nhau này đặt ra vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu về cơ sở của việc giới hạn chủ thể chịu TNHS của pháp nhân ở Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân vào các quan hệ kinh tế, xã hội ngày càng mở rộng.

3.1.2. Pháp nhân theo luật công (*personnes morales de droit public*)

Trước khi Luật ngày 11/7/2018 được ban hành, pháp luật Bỉ quy định một số pháp nhân theo luật công có tính chất chính trị được loại trừ TNHS. Các pháp nhân đó là Nhà nước liên bang, các Vùng, các Cộng đồng, các tỉnh, Vùng đô thị Bruxelles, các đô thị, các cơ quan lãnh thổ nội đô thị, Ủy ban cộng đồng Pháp, Ủy ban cộng đồng Flemish, Ủy ban cộng đồng chung và các Trung

tâm công trợ xã hội (CPAS) [16].

Quy định này phản ánh ngoại lệ của nguyên tắc chung về TNHS của pháp nhân. Các pháp nhân có tính chất chính trị nêu trên bị loại trừ khỏi phạm vi TNHS. Quyền miễn trừ TNHS đối với các pháp nhân nêu trên xuất phát từ tính đặc thù của các pháp nhân này vốn chịu sự kiểm soát, giám sát chính trị; nhà làm luật lo ngại việc áp dụng thủ tục hình sự có thể dẫn đến việc sử dụng công cụ hình sự trong tranh chấp hoặc phục vụ lợi ích chính trị.

Đến khi Luật ngày 11/7/2018 được ban hành, đã sửa đổi, bổ sung Điều 7bis của BLHS theo hướng thừa nhận TNHS đối với mọi pháp nhân theo luật công, tuy nhiên đối với các pháp nhân này vẫn được bảo vệ phần nào trước các hệ quả của việc truy tố: Các Tòa án có thể tuyên pháp nhân đã thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không được áp dụng các hình phạt hình sự đối với pháp nhân đó. Hiện nay, Điều 40 BLHS năm 2024 đã kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 7bis nêu trên như sau: *“Đối với Nhà nước liên bang, các vùng, các cộng đồng, các tỉnh, các khu vực cứu hộ, các khu vực tiền cứu hộ, Vùng đô thị Bruxelles, các đơn vị hành chính cấp xã (commune), các khu vực liên xã, các cơ quan lãnh thổ nội bộ cấp xã, Ủy ban Cộng đồng Pháp, Ủy ban Cộng đồng Flemish, Ủy ban Cộng đồng chung và các Trung tâm công tác xã hội, chỉ được tuyên bố có tội, nhưng không áp dụng bất cứ hình phạt nào khác”*.

Lập luận nền tảng về quy định trên đã được Tòa án Hiến pháp Bỉ khẳng định trong Bản án số 128/2002 ngày 10/07/2002, và Bản án ngày 12/01/2005: *“pháp nhân công khác với pháp nhân tư ở chỗ chúng chỉ thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công ích và cũng chỉ nhằm phục vụ lợi ích chung”*, đồng thời khẳng định rằng *“nhà làm luật có thể cho rằng mục tiêu đấu tranh chống tội phạm có tổ chức không buộc phải áp dụng những biện pháp đối với pháp nhân công giống như đối với pháp nhân tư”* [17].

Nguyên tắc quy kết TNHS đối với pháp nhân theo luật công trên thực tế được thiết kế nhằm tối đa hóa sự bảo vệ đối với nạn nhân cũng như đối với những người được ủy nhiệm đại diện cho các

tổ chức, đặc biệt là các đô thị và tỉnh. Việc mở rộng chế độ trách nhiệm sang các tập thể công quyền địa phương nhằm tạo điều kiện cho nạn nhân của tội phạm do các pháp nhân này thực hiện có khả năng truy cứu trách nhiệm đối với chủ thể có khả năng thanh toán, từ đó đạt được mức bồi thường phù hợp.

### 3.1.3. Pháp nhân nước ngoài

Điều 3 BLHS quy định LHS Bỉ được áp dụng đối với các hành vi phạm tội được thực hiện trên lãnh thổ Vương quốc Bỉ, không phụ thuộc vào quốc tịch của pháp nhân thực hiện hành vi. TNHS được đặt ra, không cần pháp nhân nước ngoài có được thành lập theo luật của Bỉ hoặc có trụ sở chính đặt tại Bỉ, mà dựa vào sự hiện diện thực tế của hành vi phạm tội, chỉ cần pháp nhân đó thực hiện hành vi vi phạm thỏa mãn một trong các yếu tố cấu thành tội phạm xảy ra tại Bỉ. Yếu tố cấu thành tội phạm không chỉ là hành vi vật chất, mà còn có thể là quyết định quản trị, chính sách nội bộ, chỉ đạo của cơ quan đại diện, sự thiếu sót về tổ chức hoặc hậu quả, lợi ích đạt được, nếu xảy ra trên lãnh thổ Bỉ thì pháp nhân đó vẫn có thể bị truy cứu TNHS theo LHS của Bỉ [18].

Ngoài ra, trong những điều kiện nhất định, Bỉ còn thực hiện thẩm quyền tài phán ngoài lãnh thổ đối với một số tội phạm nhất định được thực hiện ở nước ngoài nếu có quy định đặc biệt, ví dụ: liên quan đến tội phạm quốc tế, luật chuyên ngành, nguyên tắc bảo vệ lợi ích quốc gia,... trong đó bao gồm một số hình thức hối lộ đối với người giữ chức vụ công.

Như vậy, có thể khẳng định rằng những pháp nhân được thành lập theo pháp luật nước ngoài không được loại trừ khỏi chế độ TNHS của pháp nhân theo Điều 18 BLHS. Do đó, các pháp nhân nước ngoài vẫn có thể bị truy tố trước các Tòa án Bỉ đối với các tội phạm thuộc thẩm quyền tài phán hình sự của Bỉ.

### 3.2. Phạm vi các tội phạm cụ thể áp dụng đối với pháp nhân

Pháp luật Bỉ không đặt ra bất kỳ giới hạn nào về các loại hành vi phạm tội cụ thể mà pháp nhân

có thể bị truy cứu TNHS nếu thực hiện. Điều 18 BLHS năm 2024, kế thừa Điều 5 BLHS cũ quy định pháp nhân có thể phải chịu TNHS đối với mọi loại hành vi phạm tội được quy định trong BLHS hay trong luật chuyên ngành, không phân biệt tội phạm bị xử phạt bằng hình phạt nào.

Như vậy, nhà làm luật Bỉ đã theo mô hình TNHS chung của pháp nhân (*responsabilité pénale générale*) chứ không theo mô hình như Việt Nam (Điều 76 BLHS năm 2015) hoặc Tây ban Nha (Điều 31 bis BLHS Tây Ban Nha được ban hành năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2015 [19], đó là mô hình giới hạn: Pháp nhân chỉ bị truy cứu TNHS đối với những loại tội phạm cụ thể được luật quy định rõ ràng.

Mặc dù, về mặt lý thuyết, pháp luật của Bỉ không có bất kỳ quy định chung nào hạn chế quy kết các tội phạm cụ thể cho pháp nhân. Nhưng xét từ bản chất trừu tượng của pháp nhân, trên thực tế, pháp nhân không thể thực hiện một số tội phạm vốn gắn liền với con người tự nhiên.

### 3.3. Các điều kiện quy kết trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân

Các điều kiện quy kết TNHS đối với pháp nhân được quy định tại Điều 18 BLHS năm 2024, theo đó “Mọi pháp nhân đều phải chịu TNHS đối với những hành vi phạm tội gắn bó nội tại với việc thực hiện mục tiêu hoạt động của mình hoặc với việc bảo vệ các lợi ích của mình, hoặc đối với những hành vi mà các tình tiết cụ thể chứng minh rằng chúng được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân”.

Như vậy, theo điều luật này, pháp nhân chỉ bị truy cứu TNHS khi: i) Một tội phạm cụ thể được luật hình sự quy định đã xảy ra; ii) Hành vi đó có thể quy kết cho pháp nhân theo một trong các điều kiện dưới đây:

*Thứ nhất*, hành vi phạm tội cụ thể được thực hiện về thực chất *gắn trực tiếp với mục đích (objet social) của pháp nhân*, tức là tội phạm phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, hoạt động bình thường của pháp nhân. Tòa pháp án đã làm rõ rằng “*mối liên hệ nội tại này không đòi hỏi mục đích hoạt động của pháp*

*nhân phải bao hàm việc thực hiện các hành vi phạm tội, mà chỉ cần các hành vi phạm tội đã được thực hiện nhằm đạt được mục đích hoạt động của pháp nhân*” [20].

*Thứ hai*, hành vi phạm tội cụ thể được thực hiện về thực chất *gắn trực tiếp với việc bảo vệ hoặc thúc đẩy lợi ích của pháp nhân*. Lợi ích này có thể trực tiếp hoặc gián tiếp, bao gồm lợi ích vật chất, lợi ích về chiến lược, tổ chức hoặc phi vật chất như duy trì vị thế thị trường, giảm chi phí tuân thủ pháp luật hoặc bảo vệ chiến lược kinh doanh. Trong thực tiễn, cơ quan có thẩm quyền tố tụng không cần chứng minh pháp nhân đã thực sự thu được lợi ích nhất định hay không, mà chỉ cần hành vi đã thực hiện nhằm hướng tới lợi ích của pháp nhân. Cách tiếp cận này cho phép truy cứu TNHS ngay cả khi không xác định được một cá nhân cụ thể đã thực hiện hành vi phạm tội, miễn là có thể chứng minh sự thiếu sót có hệ thống trong tổ chức và quản lý của pháp nhân

*Thứ ba*, những hành vi mà *các tình tiết cụ thể* chứng minh rằng chúng đã được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân đó. Điều này được hiểu là tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết thực tế, khách quan và chủ quan của vụ việc cho thấy hành vi đó được thực hiện nhằm phục vụ lợi ích của pháp nhân, hoặc ít nhất được hướng vì lợi ích của pháp nhân. Các tình tiết cụ thể được kiểm chứng đó có thể là: i) bối cảnh tổ chức và hoạt động của pháp nhân; ii) chức năng, nhiệm vụ của người thực hiện hành vi trong pháp nhân; iii) mục tiêu kinh tế hoặc quản trị mà hành vi hướng tới; iv) cách thức ra quyết định nội bộ; v) việc hành vi phù hợp hay không với chiến lược, lợi ích, hoặc mục đích hoạt động của pháp nhân,...

Như vậy, mô hình Bỉ là mối liên hệ bản chất, nội tại (*lien intrinsèque*) giữa hành vi phạm tội và pháp nhân. Mọi tội phạm phải gắn liền một cách bản chất với mục tiêu, lợi ích hoặc hoạt động của pháp nhân, hoặc được thực hiện cho pháp nhân (*pour son compte*).

Những quy định nêu trên cho thấy Pháp luật Bỉ đã xây dựng một mô hình quy kết trực tiếp TNHS cho pháp nhân dựa trên mối liên hệ về bản chất giữa hành vi phạm tội và pháp nhân, coi

pháp nhân là một chủ thể phạm tội độc lập với trách nhiệm của các cá nhân đã thực hiện hành vi phạm tội nhân danh pháp nhân. Pháp nhân có thể chịu trách nhiệm dựa trên lợi ích và hành vi thực tế, không chỉ dựa trên lỗi cá nhân. Vai trò của cá nhân chứng minh sự kiện phạm tội, không quyết định việc truy cứu TNHS pháp nhân. TNHS pháp nhân phát sinh khi hành vi phạm tội phản ánh sự thiếu sót trong tổ chức, quản trị, kiểm soát nội bộ, chính sách hoặc văn hóa của pháp nhân hoặc phản ánh sự dung túng, chấp nhận rủi ro phạm tội,... Lỗi của pháp nhân là lỗi tổ chức, lỗi cấu trúc, không phải lỗi tâm lý như của cá nhân.

Pháp nhân chỉ có thể chịu TNHS đối với mọi hành vi phạm tội có mối liên hệ nội tại với việc thực hiện mục đích của mình hoặc bảo vệ lợi ích của mình, hoặc đối với những hành vi mà các tình tiết cụ thể cho thấy chúng được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân [21]. Còn đối với trường hợp các cá nhân như người lãnh đạo, quản lý hoặc nhân viên,... lợi dụng khuôn khổ pháp lý hoặc điều kiện vật chất của pháp nhân để thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích hoặc bảo vệ lợi ích riêng của mình, TNHS sẽ không quy kết cho pháp nhân mà chỉ quy kết cho những cá nhân trên là người của pháp nhân đó [22]. Như vậy, sẽ không có sự đồng nhất TNHS của pháp nhân với mọi hành vi phạm tội do cá nhân có liên hệ với pháp nhân thực hiện.

Nghiên cứu Điều 18 BLHS năm 2024 cho thấy nhà lập pháp Bỉ đã không đặt ra bất kỳ điều kiện nào liên quan đến tư cách cá nhân cụ thể của pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội mà thông qua đó TNHS của pháp nhân có thể bị quy kết. Cách tiếp cận này cho thấy nhà làm luật Bỉ đã mở rộng tối đa phạm vi các cá nhân có liên quan mà hoạt động của họ có thể được quy kết cho pháp nhân. Theo đó, không chỉ các cơ quan, người đại diện, người được ủy quyền, người lao động, mà thậm chí cả bên thứ ba cũng có thể làm phát sinh TNHS đối với pháp nhân, miễn là hành vi phạm tội được thực hiện nhằm thúc đẩy lợi ích của pháp nhân hoặc vì lợi ích của pháp nhân [23]

Trong khi đó, LHS của Pháp lại quy định hành vi phạm tội phải được thực hiện vì lợi

ích của pháp nhân, bởi cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân. Như vậy, bản chất TNHS của pháp nhân theo LHS của Pháp là mô hình TNHS gián tiếp/đại diện (*responsabilité par représentation*). Tiêu chí quy kết TNHS đối với pháp nhân là ở tư cách chủ thể của người thực hiện hành vi phạm tội. Lỗi của pháp nhân được hình thành thông qua cơ chế quy kết từ lỗi của cá nhân đại diện, hay nói cách khác, lỗi của pháp nhân không phải là lỗi tổ chức mà được vay mượn từ cá nhân người đại diện [24]. Còn theo Điều 75 BLHS năm 2015 của Việt Nam, PNTM chỉ chịu TNHS khi đồng thời đáp ứng nhiều điều kiện, trong đó đáng chú ý là: hành vi phạm tội phải được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân và có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân. Pháp luật Việt Nam sử dụng mô hình quy định các điều kiện chặt chẽ, không chỉ yêu cầu mối liên hệ chức năng giữa hành vi phạm tội và lợi ích của pháp nhân, mà còn đòi hỏi phải chứng minh ý chí tổ chức thông qua yếu tố chỉ đạo hoặc chấp thuận. Pháp luật Việt Nam vẫn gắn chặt TNHS của pháp nhân với hành vi và ý chí của các cá nhân cụ thể.

#### 3.4. Vấn đề tổng hợp trách nhiệm: pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự riêng hay đồng thời với cá nhân về cùng một tội phạm.

Nghiên cứu cho thấy, trong thực tiễn, mọi hành vi phạm tội do pháp nhân thực hiện đều được thực hiện thông qua một hoặc nhiều cá nhân. Tòa án Tối cao Bỉ đã nhiều lần nhấn mạnh: “*Các hành vi phạm tội được quy kết cho pháp nhân, xét trong thực tế cụ thể, đều do các cá nhân thực hiện*” [25].

Trước đây, Điều 5 của BLHS cũ đã quy định: “*khi trách nhiệm của pháp nhân chỉ được xác lập do sự can thiệp của một cá nhân xác định, thì chỉ người đã thực hiện lỗi nghiêm trọng hơn mới có thể bị kết án. Nếu cá nhân được xác định đã thực hiện lỗi một cách cố ý thức và tự nguyện, thì người đó có thể bị kết án đồng thời với pháp nhân*”

chịu trách nhiệm”.

Nhà làm luật Bỉ lúc đó đã lựa chọn cách tiếp cận kết hợp linh hoạt, vừa cộng gộp vừa loại trừ trong những trường hợp nhất định, nhằm tránh việc cá nhân và pháp nhân bị kết án đồng thời một cách có hệ thống. Tuy nhiên, những quy định về cộng gộp và loại trừ TNHS của pháp nhân với TNHS của cá nhân đối với cùng một hành vi nêu trên gây ra nhiều khó khăn và vấp phải nhiều phê phán. Vì vậy, nhà làm luật Bỉ đã ban hành Luật ngày 11/07/2018 có hiệu lực thi hành từ ngày 30/07/2018 đã sửa đổi Điều 5 và Điều 7bis của BLHS cũ bãi bỏ hoàn toàn nguyên tắc không cộng gộp (décumul) TNHS giữa pháp nhân và cá nhân khi quy định: *“Trách nhiệm hình sự của pháp nhân không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân là người thực hành thực hiện hoặc tham gia thực hiện cùng một hành vi”*. Quy định trên tiếp tục được ghi nhận tại Điều 18 BLHS năm 2024.

Như vậy, đối với các tội phạm được thực hiện từ ngày 30/07/2018, một cơ chế thống nhất về cộng gộp TNHS được áp dụng cho mọi loại tội phạm, tương tự như mô hình đang được áp dụng tại Pháp và nhiều quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Theo đó, pháp nhân, kể cả pháp nhân công, đương nhiên chịu TNHS đối với các hành vi phạm tội có liên quan nội tại đến việc thực hiện mục đích hoặc bảo vệ lợi ích của mình, hoặc được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân. TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của các cá nhân có liên quan. Cơ chế cộng gộp TNHS một cách tự động được thực hiện, miễn là hành vi phạm tội có thể được quy kết cho từng chủ thể, cả cá nhân và pháp nhân. Việc quy kết này đòi hỏi phải chứng minh các yếu tố cấu thành tội phạm cụ thể. Theo đó, pháp nhân và cá nhân có thể bị quy kết TNHS đối với cùng một hành vi phạm tội[26]. Điều này dẫn đến hệ quả là không cần so sánh lỗi giữa cá nhân và pháp nhân, đồng thời đoạt tuyệt rút khoát học thuyết lỗi nặng hơn (*faute la plus grave*) được quy định trước năm 2018. Việc cá nhân không bị truy cứu TNHS, đã chết hoặc được miễn TNHS không ảnh hưởng đến TNHS của pháp nhân. Khả năng cộng gộp theo quy định mới này không được nhà làm luật quy định cụ thể mà để cho các Tòa án tự quyết

định tùy theo hoàn cảnh cụ thể của từng vụ án.

### 3.5. Hình phạt đối với pháp nhân phạm tội

BLHS năm 2024 quy định hệ thống hình phạt (bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung) đối với pháp nhân phạm tội. Các hình phạt chính đối với pháp nhân phạm tội không dựa vào việc phân loại tội phạm (trọng tội, khinh tội và tội vi cảnh) như BLHS 1867 trước đây mà theo thang hình phạt mới, từ mức 1 đến mức 8.

#### 3.5.1. Các hình phạt chính (Điều 38 BLHS)

Đối với pháp nhân phạm tội, phạt tiền là hình phạt chính phổ biến, được quy định ở cả 8 thang hình phạt, trong đó phạt tiền cấp độ 8 là phạt tiền ở mức nghiêm khắc nhất từ trên 4.000.000 euros đến tối đa 5.760.000 euros. Còn mức thấp nhất ở thang hình phạt cấp độ 1 với hình phạt tiền từ 200 euros đến tối đa 20.000 euros.

Hình phạt chính ở thang cấp độ 1, ngoài phạt tiền từ 200 euro đến tối đa 20.000 euros, còn có các hình phạt chính khác như: i) Hình phạt thực hiện nghĩa vụ phục vụ cộng đồng, được định giá từ 200 euro đến tối đa 20.000 euro; ii) Hình phạt quản chế có thời hạn từ sáu tháng đến mười hai tháng; iii) cấm thực hiện hoạt động thuộc phạm vi đối tượng hoạt động của pháp nhân trong thời hạn từ một năm đến tối đa mười năm; iv) hình phạt tịch thu, bao gồm cả tịch thu mở rộng; v) hình phạt tiền được xác định dựa trên lợi ích dự kiến hoặc đã thu được từ hành vi phạm tội; vi) đóng cửa cơ sở; vii) tuyên bố có tội bằng phán quyết xác nhận TNHS.

Hình phạt chính ở thang cấp độ 2, ngoài hình phạt tiền từ trên 20.000 euros đến tối đa 360.000 euros, còn có các hình phạt chính khác như: i) hình phạt thực hiện nghĩa vụ phục vụ cộng đồng, được định giá từ trên 20.000 euros đến tối đa 360.000 euros; ii) hình phạt quản chế từ trên mười hai tháng đến tối đa hai năm; iii) áp dụng đồng thời hai hình phạt cấp độ 1; iv) tuyên bố có tội bằng phán quyết xác nhận TNHS.

Trong khi luật quy định hình phạt bổ sung đối với hành vi phạm tội bị xử phạt bằng hình phạt chính cấp độ 1, thì trong trường hợp chấp nhận

tình tiết giảm nhẹ, Thẩm phán có thể tuyên hình phạt bổ sung đó thay cho hình phạt chính.

### 3.5.2. Các hình phạt bổ sung (Điều 39 BLHS)

Theo Điều 39 BLHS, pháp nhân phạm tội có thể bị áp dụng các *hình phạt bổ sung* theo luật định, gồm:

- 1) Phạt tiền;
- 2) Tịch thu, bao gồm cả tịch thu mở rộng;
- 3) Phạt tiền dựa trên lợi ích dự kiến hoặc thực tế thu được từ hành vi phạm tội;
- 4) Cấm thực hiện hoạt động thuộc phạm vi đối tượng hoạt động của pháp nhân trong thời hạn từ một năm đến 10 năm;
- 5) Đóng cửa cơ sở;
- 6) Công bố bản án kết tội.

## 4. Các quy định tổ tụng hình sự đặc thù đối với pháp nhân

Chương 4 Luật ngày 4/5/1999 bổ sung các quy định từ Điều 14 đến Điều 20 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) về tố tụng hình sự đối với pháp nhân. Các quy định này bảo đảm pháp nhân là chủ thể đầy đủ trong TTHS. Ngoài các quy định tố tụng đặc thù này, những quy định khác trong BLTTHS được áp dụng tương tự như đối với cá nhân [27].

### 4.1. Việc đại diện trước Tòa án của pháp nhân bị truy cứu TNHS

Theo khoản 1 Điều 185 BLTTHS (được bổ sung theo Điều 18 của Luật ngày 4/5/1999) quy định rằng pháp nhân, với tư cách là bị cáo, phải trực tiếp tham gia TTHS. Nhưng pháp nhân là một con người pháp lý, trừu tượng, nên nó tham gia tố tụng phải thông qua người đại diện của mình. Người có thẩm quyền đại diện cho pháp nhân được quy định trong điều lệ của pháp nhân, hoặc pháp nhân có thể được đại diện bởi luật sư. Với quy định trên, nhà làm luật đã khẳng định sự khác biệt về bản chất giữa pháp nhân và cá nhân; Thừa nhận rằng ý chí tố tụng của pháp nhân được thể hiện thông qua người đại diện hợp pháp hoặc

luật sư.

Điều 2bis BLTTHS (được bổ sung bởi Điều 12 Luật ngày 04/05/1999) quy định khi việc truy cứu TNHS đối với một pháp nhân và đối với người có thẩm quyền đại diện cho pháp nhân đó được tiến hành vì cùng một hành vi hoặc các hành vi có liên quan với nhau, thì Tòa án có thẩm quyền xét xử vụ án hình sự đối với pháp nhân sẽ chỉ định một *người đại diện đặc biệt (mandataire ad hoc)* để đại diện cho pháp nhân. Quy định trên đưa ra một cơ chế điều chỉnh trong trường hợp xảy ra xung đột lợi ích giữa pháp nhân và cơ quan của pháp nhân. Sự xung đột này phát sinh khi chính cơ quan đó, cụ thể là người quản lý điều hành được ủy quyền, cũng bị truy tố.

Cần lưu ý rằng cơ chế người đại diện *ad hoc* chỉ được áp dụng khi có quyết định của Tòa án có thẩm quyền xét xử vụ án và chủ yếu ở giai đoạn xét xử, không được tiến hành trong các giai đoạn điều tra ban đầu và điều tra tư pháp.

### 4.2. Việc thực hiện quyền truy tố đối với pháp nhân đã bị giải thể

Theo Điều 20 BLTTHS, về nguyên tắc, hành động công tố (*l'action publique*) chấm dứt khi chấm dứt thanh lý, giải thể pháp nhân bằng quyết định tư pháp hoặc giải thể không qua thanh lý. Tuy nhiên, hành động công tố vẫn có thể được tiếp tục thực hiện nếu việc thanh lý, giải thể pháp nhân nhằm để trốn tránh việc truy cứu TNHS, hoặc nếu pháp nhân đã bị Thẩm phán điều tra khởi tố theo Điều 61bis BLTTHS trước khi mất tư cách pháp nhân. Quy định trên nhằm ngăn chặn pháp nhân đang bị truy cứu TNHS, nhưng bằng thủ đoạn kết thúc thanh lý, giải thể từ đó dẫn tình trạng pháp nhân né tránh việc truy cứu TNHS; Điều luật quy định trong trường hợp này, việc truy cứu TNHS vẫn tiếp tục tồn tại. Một cơ chế tương tự cũng được áp dụng khi pháp nhân đã bị Thẩm phán điều tra truy tố trước thời điểm mất tư cách pháp nhân.

Đặc biệt, trong trường hợp pháp nhân mất tư cách pháp nhân sau khi bị kết án vẫn không làm chấm dứt hình phạt, cũng như các hệ quả pháp lý của hình phạt đó.

#### 4.3. Thẩm quyền theo lãnh thổ của các cơ quan tư pháp

Theo các quy định mới, bên cạnh các tiêu chí truyền thống để xác định thẩm quyền lãnh thổ của các cơ quan tư pháp là nơi hành vi phạm tội được thực hiện, nơi cư trú của bị can hoặc nơi bị can bị phát hiện, thẩm quyền theo lãnh thổ của các cơ quan tư pháp được đối với các pháp nhân được xác định dựa trên nơi đặt trụ sở chính hoặc nơi đặt trụ sở hoạt động của pháp nhân đó (Điều 23, 24, 62bis và 139 của BLTTHS).

Khoản 1er Điều 7 BLTTHS quy định có thể truy cứu TNHS *mọi cá nhân thực hiện hành vi phạm tội nhân danh hoặc vì lợi ích của pháp nhân có trụ sở chính đặt trên lãnh thổ Bỉ*. Điều luật này đã thể hiện rõ mối liên hệ giữa thẩm quyền hình sự và pháp nhân có trụ sở tại Bỉ, là cơ sở quan trọng cho truy cứu TNHS pháp nhân trong bối cảnh liên quan đến tội phạm xuyên quốc gia.

#### 4.4. Các biện pháp tạm thời

Theo Điều 91 của BLTTHS, trong quá trình điều tra tư pháp cho phép Thẩm phán điều tra áp dụng ba loại biện pháp tạm thời sau đây đối với pháp nhân, trong trường hợp xác định có các dấu hiệu rõ ràng về tội phạm được thực hiện bởi một pháp nhân, kết hợp với việc xác định các hoàn cảnh đặc biệt, đó là: i) Đình chỉ mọi thủ tục giải thể hoặc thanh lý pháp nhân; ii) Cấm thực hiện các giao dịch tài sản cụ thể có khả năng dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán của pháp nhân; iii) Buộc nộp tiền bảo đảm với mức tiền do thẩm phán điều tra ấn định, nhằm bảo đảm việc chấp hành các biện pháp đã được quyết định. Nếu các biện pháp trên liên quan đến bất động sản, thì việc thực hiện được tiến hành phù hợp với Điều 35bis của BLTTHS.

Các biện pháp tạm thời này chỉ được áp dụng bởi Thẩm phán điều tra, do đó không thể áp dụng ở giai đoạn điều tra sơ bộ do Công tố viên tiến hành. Trong trường hợp Công tố viên muốn áp dụng các biện pháp này thì bắt buộc phải yêu cầu mở một cuộc điều tra tư pháp.

BLTTHS quy định các biện pháp tạm thời là nhằm bảo đảm hiệu quả thực tế của bản án hình sự có thể được tuyên trong tương lai, đặc biệt là việc thu hồi tiền phạt và thực hiện tịch thu đặc định, đồng thời ngăn chặn việc lợi dụng giải thể pháp nhân để trốn TNHS.

#### 4.5. Lý lịch tư pháp của pháp nhân

Điều 600 và 601 BLTTHS (được bổ sung theo Điều 19 và 20 của Luật ngày 4/5/1999) quy định việc ghi nhận các bản án tuyên đối với pháp nhân vào một dạng lý lịch tư pháp dành cho pháp nhân, được lưu giữ tại văn phòng thư ký của Tòa án nơi điều lệ của pháp nhân đã được nộp.

### 5. Kết luận và những định hướng hoàn thiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật Việt Nam

#### 5.1. Một số kết luận

Từ kết quả nghiên cứu chế định TNHS của pháp nhân trong LHS Bỉ có thể rút ra một số nhận xét sau:

*Thứ nhất*, trước năm 1999, Bỉ không thừa nhận TNHS của pháp nhân. Chế định này chỉ được xác lập theo Luật ngày 4/5/1999, tiếp tục sửa đổi, bổ sung theo Luật ngày 11/7/2018, và được kế thừa theo BLHS mới năm 2024.

*Thứ hai*, theo pháp luật của Bỉ, TNHS của pháp nhân là dạng TNHS theo hướng độc lập. Hành vi phạm tội được quy kết cho pháp nhân trên cơ sở lỗi tổ chức, được chứng minh từ các tình tiết của vụ việc, không phụ thuộc vào việc có xác định được một cá nhân cụ thể đã thực hiện hành vi phạm tội, miễn là có thể chứng minh được sự thiếu sót có hệ thống trong tổ chức và quản lý của pháp nhân. Trong khi đó, BLHS Việt Nam duy trì mô hình TNHS của PNTM với các điều kiện quy kết TNHS được liệt kê chặt chẽ theo Điều 75 BLHS, trong đó gắn TNHS cho pháp nhân với hành vi của cá nhân có thẩm quyền hoặc được giao nhiệm vụ, vì vậy, phạm vi TNHS của pháp nhân tại Việt Nam hẹp hơn và ít linh hoạt hơn.

*Thứ ba*, theo pháp luật của Bỉ, TNHS có thể được áp dụng đối với mọi loại pháp nhân, không tuyệt đối hóa ranh giới giữa PNTM và phi thương mại, mà tập trung vào *vai trò chức năng trong đời sống kinh tế & xã hội*, trong khi đó pháp luật Việt Nam quy định TNHS chỉ đặt ra đối với PNTM.

*Thứ tư*, pháp luật của Bỉ quy định pháp nhân chịu TNHS đối với mọi tội phạm được quy định trong BLHS và các luật chuyên ngành khi đáp ứng các điều kiện theo luật định. Còn ở Việt Nam, BLHS quy định TNHS chỉ đặt ra đối với PNTM phạm một trong những tội được liệt kê tại Điều 76 khi thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 75.

*Thứ năm*, về hình phạt đối với pháp nhân phạm tội, pháp luật Bỉ xây dựng hệ thống hình phạt tương đối đa dạng, trong đó ngoài hình phạt tiền còn có các hình phạt như tịch thu, cấm hoạt động, đóng cửa cơ sở, quản chế và công bố bản án kết tội. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam chủ yếu áp dụng phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, bên cạnh một số hình phạt bổ sung. Hệ thống hình phạt đối với PNTM phạm tội ở Việt Nam, nhìn chung vẫn cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng *đa dạng, phù hợp với đặc thù của pháp nhân đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tái phạm*.

*Thứ sáu*, nhìn chung pháp luật Bỉ đã xây dựng được *các quy định tổ tụng đặc thù tương đối đầy đủ* để bảo đảm pháp nhân có thể thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng với tư cách là chủ thể độc lập trong tố tụng hình sự. Đáng chú ý là khả năng tiếp tục truy cứu TNHS trong một số trường hợp pháp nhân đã giải thể và các biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm việc thi hành hình phạt. Điều này cho thấy việc thừa nhận TNHS của pháp nhân cần đi kèm với *một cơ chế tố tụng tương thích*, tránh tình trạng pháp nhân được thừa nhận là chủ thể chịu TNHS nhưng chưa có đầy đủ cơ chế để thực hiện quyền bào chữa và bảo đảm thi hành bản án.

**5.2. Định hướng hoàn thiện chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự Việt Nam**

BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) lần đầu tiên ghi nhận chế định TNHS của PNTM, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong CSHS Việt Nam. Việc thừa nhận PNTM là chủ thể của TNHS thể hiện sự đổi mới trong tư duy lập pháp, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quá trình hội nhập quốc tế và xu hướng phát triển của PLHS hiện đại.

Mặc dù chế định này đã được triển khai trong thực tiễn gần tám năm, song kết quả áp dụng còn tương đối khiêm tốn. Thực tiễn đó cho thấy vẫn còn có những vướng mắc cả về phương diện lập pháp và tổ chức thực hiện. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý tội phạm do PNTM thực hiện mà còn đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLHS và pháp luật TTHS theo hướng phù hợp hơn với thực tiễn và thông lệ quốc tế.

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu và tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp của Bỉ quy định TNHS của pháp nhân có thể cân nhắc một số định hướng chủ yếu sau phù hợp với điều kiện kinh tế & xã hội, CSHS và đặc điểm của hệ thống pháp luật Việt Nam, thay vì sao chép máy móc, đó là:

*Thứ nhất*, nghiên cứu từng bước mở rộng phạm vi pháp nhân chịu TNHS.

Cơ sở của kiến nghị này là mô hình của Bỉ không giới hạn TNHS ở PNTM. Quy định của Việt Nam chỉ quy định TNHS đối với PNTM xuất phát từ quan điểm lập pháp nhằm tập trung xử lý các hành vi phạm tội phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều pháp nhân phi thương mại như tổ chức xã hội, hiệp hội, quỹ hoặc các tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận cũng có khả năng thực hiện những hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng cho xã hội, đặc biệt trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường, quản lý tài chính, y tế, giáo dục, lao động và an toàn công cộng. Việc loại trừ các chủ thể này khỏi phạm vi TNHS tạo ra khoảng trống pháp lý nhất định, làm giảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm do pháp nhân thực hiện và chưa bảo đảm nguyên tắc mọi chủ thể có hành vi nguy hiểm cho xã hội đều

phải chịu trách nhiệm pháp lý tương xứng. Tuy nhiên, Việt Nam cần đánh giá thận trọng về sự cần thiết, phạm vi và điều kiện áp dụng trước khi mở rộng sang các loại pháp nhân khác.

*Thứ hai*, mở rộng phạm vi các tội danh áp dụng đối với pháp nhân

Theo quy định hiện hành, PNTM chỉ phải chịu TNHS đối với các tội danh được liệt kê tại Điều 76 BLHS, chủ yếu thuộc nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về môi trường và một số tội xâm phạm an toàn công cộng. Cách tiếp cận theo danh mục khép kín góp phần bảo đảm tính minh bạch và hạn chế việc mở rộng trách nhiệm hình sự một cách tùy tiện. Tuy nhiên, trước sự phát triển của nền kinh tế số và quá trình hội nhập quốc tế, nhiều loại tội phạm có sự tham gia hoặc hưởng lợi của pháp nhân như tham nhũng trong khu vực tư, rửa tiền, tài trợ khủng bố, tội phạm công nghệ cao, tội phạm liên quan đến dữ liệu cá nhân hoặc các hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền con người vẫn chưa thuộc phạm vi điều chỉnh. Trong khi đó, nhiều quốc gia đã mở rộng phạm vi TNHS của pháp nhân để đáp ứng yêu cầu đấu tranh với các loại tội phạm có tổ chức và xuyên quốc gia. Điều này cho thấy phạm vi các tội danh áp dụng đối với pháp nhân trong BLHS Việt Nam vẫn còn tương đối hạn chế so với xu hướng lập pháp hiện đại. Vì vậy Việt Nam cần tiếp tục *rà soát và mở rộng có chọn lọc danh mục tội phạm* mà pháp nhân có thể phải chịu TNHS, trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và khả năng thực hiện thông qua pháp nhân.

*Thứ ba*, điều chỉnh lại các điều kiện quy kết TNHS đối với pháp nhân

Điều 75 BLHS quy định các điều kiện truy cứu TNHS đối với pháp nhân còn chặt chẽ và khó áp dụng. Trong thực tiễn, việc chứng minh đồng thời các điều kiện quy định tại điều luật này gặp những khó khăn nhất định, đặc biệt đối với doanh nghiệp có cơ cấu quản trị nhiều tầng nấc, tập đoàn đa quốc gia hoặc mô hình sở hữu phức tạp. Nhiều trường hợp người quản lý có ý che giấu quyết định phạm tội, phân tán trách nhiệm hoặc thực hiện hành vi thông qua các công ty

con, công ty liên kết, gây khó khăn cho việc thu thập chứng cứ và xác định TNHS của pháp nhân. Điều này ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả áp dụng TNHS trong thực tiễn. Vì vậy, Điều 75 BLHS nên quy định theo một trong hai phương án sau:

*Một là*, pháp nhân chỉ phải chịu TNHS đối với hành vi phạm tội do người đại diện theo pháp luật, người quản lý hoặc người được ủy quyền thực hiện nhân danh pháp nhân và vì lợi ích của pháp nhân.

*Hai là*, pháp nhân chỉ phải chịu TNHS trong một trong các trường hợp sau đây:

a) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân và vì lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp của pháp nhân;

b) Hành vi phạm tội được thực hiện theo sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân và vì lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp của pháp nhân.

Việc sửa đổi theo một trong hai phương án nêu trên sẽ góp phần đơn giản hóa các điều kiện quy kết TNHS cho pháp nhân, bảo đảm tính minh bạch và khả thi trong áp dụng pháp luật.

*Thứ tư*, bổ sung Điều 33 BLHS về hình phạt công bố bản án hoặc quyết định của Tòa án

Đối với pháp nhân phạm tội, việc bổ sung hình phạt công bố bản án hoặc quyết định của Tòa án là cần thiết vì vừa bảo đảm tính răn đe, vừa bảo vệ lợi ích công cộng và nâng cao tính minh bạch của thị trường. Hình phạt này phù hợp với đặc điểm của pháp nhân, khi uy tín và danh tiếng có ý nghĩa quyết định đối với hoạt động kinh doanh; đồng thời đã được áp dụng hiệu quả trong pháp luật của Bỉ và một số quốc gia khác.

*Thứ năm*, nghiên cứu hoàn thiện *cơ chế tố tụng đặc thù đối với pháp nhân*, đặc biệt về đại diện, xử lý xung đột lợi ích, bảo đảm quyền bào chữa và các biện pháp bảo toàn tài sản. Cơ sở của kiến nghị này là kinh nghiệm của Bỉ cho thấy việc xác lập TNHS của pháp nhân phải được hỗ trợ bởi các quy định tố tụng tương ứng, bảo đảm pháp nhân có khả năng thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng của mình.

**Tài liệu tham khảo**

- [1] B. Bouloc, G. Stefani, G. Levasseur, *Droit pénal Général* (20e éd.). Dalloz, 2007.
- [2] E. Dreyer, *Droit Pénal Général* (3e éd.), LexisNexis 2014.
- [3] Trịnh Quốc Toàn (2011). Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] J. J. Haus, *Principes Généraux du Droit Pénal Belge* (n° 122). Paris: H. Hoste, Libraire-éditeur; A. Durand et Pedone-Lauriel - 1869.  
<https://archive.org/details/principesgnraux00hausg/oog/page/n6/mode/2up>.
- [5] Constant, J. (1951). La Responsabilité Pénale des Personnes Morales et de Leurs Organes en Droit Belge. *Revue Internationale de Droit Pénal*, 22, 559.
- [6] Cour de Cassation (Belgique). (1922, 28 Novembre). Arrêt. *Pasicrisie*, 1923-I, 80; Cour de Cassation (Belgique). (1934, 26 février). Arrêt. *Pasicrisie*, I, 180; Cour de Cassation (Belgique). (1994, 29 mars). Arrêt; Cour de Cassation (Belgique). (1997, 18 février). Arrêt.
- [7] Ordonnance n°45-1483 du 30 juin 1945 Relative Aux Prix. *Journal Officiel de la République Française*.  
<https://www.legifrance.gouv.fr/loda/id/JORFTEXT000000516237>.
- [8] Loi du 14 juillet 1991 Sur les Pratiques du Commerce et sur L'information et la Protection du Consommateur. *Moniteur Belge*.  
<https://www.wipo.int/wipolex/fr/text/125237>.
- [9] Delatte, P. (1980). La question de la Responsabilité des Personnes Morales en Droit Belge. *Revue de Droit Pénal et de Criminologie*, 1980, 191–215; Cour de Cassation (Belgique). (1946, 8 avril). Arrêt. *Pasicrisie*, 136; Cour de Cassation (Belgique). (1962, 17 Septembre). Arrêt. *Pasicrisie*, 1963-I, 61; Cour de Cassation (Belgique). (1982, 11 mai). Arrêt. *Pasicrisie*, I, 1040.
- [10] Loi du 4 Mai 1999 Instaurant la Responsabilité Pénale des Personnes Morales. (1999). *Moniteur belge*, 22 juin 1999.  
[https://www.stradalex.com/fr/sl\\_rev\\_utu/toc/jt\\_1999\\_32-fr/doc/jt1999\\_32p653](https://www.stradalex.com/fr/sl_rev_utu/toc/jt_1999_32-fr/doc/jt1999_32p653).
- [11] Commission de la Justice. (1999). Rapport fait au Nom de la Commission de la Justice (Documents Parlementaires, Sénat, 1998–1999, n° 1217/1, p. 18). Sénat de Belgique.
- [12] Belgique. (2018). Loi du 11 juillet 2018 Modifiant le Code pénal et le Titre Préliminaire du Code de Procédure Pénale en ce qui Concerne la Responsabilité Pénale des Personnes Morales. *Moniteur belge*, 20 Juillet 2018.
- [13] Belgique. (2024). Code Pénal [Penal Code]. Ejustice.  
<https://www.ejustice.just.fgov.be/eli/loi/2024/02/29/2024002052/justel>;
- [14] Loi du 23 Mars 2019 Introduisant le Code des Sociétés et des Associations et l'arrêté Royal du 29 Avril 2019 Portant Exécution Dudit Code.
- [15] Jeanmoye, M. (1999, March 10). Proposition de loi Instaurant la Responsabilité Pénale des Personnes Morales : Rapport fait au nom de la Commission de la Justice (Document Parlementaire n° 1-1217/6, Sénat de Belgique, Session 1998–1999). Sénat de Belgique.  
<https://www.senate.be/www/?MIval=publications/viewPub.html&COLL=S&LEG=1&NR=1217&VOLGNR=6&LANG=fr>
- [16] Charles-Eric Clesse (2018), la Responsabilité Pénale des Personnes Morales: N Simplification Attendue-  
[https://www.droitbelge.be/news\\_detail.asp?id=952](https://www.droitbelge.be/news_detail.asp?id=952).
- [17] Cour constitutionnelle. (2002, July 10). Arrêt n° 128/2002. *Moniteur belge*, November 13, 2002; Cour constitutionnelle. (2005, January 12). Arrêt n° 8/2005. *Moniteur belge*, March 11, 2005.
- [18] Belgique. (2024). Loi du 29 Février 2024 Introduisant le Livre Ier du Code pénal. *Moniteur Belge*.  
<https://www.ejustice.just.fgov.be/eli/loi/2024/02/29/2024002052/justel>.
- [19] España. (2015). Ley Orgánica 1/2015, de 30 de marzo, por la que se Modifica la Ley Orgánica 10/1995, de 23 de Noviembre, del Código Penal. *Boletín Oficial del Estado*.  
<https://www.boe.es/eli/es/lo/2015/03/30/1/con>.
- [20] Cour de Cassation. (2004, November 9). Arrêt. *Revue de Droit Pénal et de Criminologie*, 2005, 789; Cour de Cassation. (2015, May 6). Arrêt. *Pasicrisie*, 2015, 1113.
- [21] Cour de Cassation. (2005, December 20). Arrêt. *Pasicrisie*, 2005, 2576; Cour de Cassation. (2007, November 14). Arrêt. *Pasicrisie*, 2007, 2180; Cour de Cassation. (2014, May 13). Arrêt. *Pasicrisie*, 2014, 1153.
- [22] Tribunal Correctionnel de Liège. (2003, September 26). Jugement. *Journal des tribunaux* –

- Jurisprudence de Liège, Mons et Bruxelles (J.L.M.B.), 2004, 1375.
- [23] Cour de Cassation. (2019, May 21). Arrêt. *Pasicrisie*, 2019, 1119.
- [24] Article 121-2 code Penal France - [https://www.legifrance.gouv.fr/codes/texte\\_lc/L EGITEXT000006070719/](https://www.legifrance.gouv.fr/codes/texte_lc/L EGITEXT000006070719/).
- [25] Cour de Cassation. (2005, December 20). Arrêt. *Pasicrisie*, 2005, 2576; Cour de Cassation. (2006, September 26). Arrêt. *Rechtskundig Weekblad*, 2006–2007, 1084; Cour de Cassation. (2014, May 13). Arrêt. *Pasicrisie*, 2014, 1153.
- [26] Pour ce qui Concerne les Procédures Particulières Applicables Aux Personnes Morales Ayant Commis Une Infraction, Voir Également :*Sénat de Belgique*, Document Parlementaire n° 1-1217/1, *Rapport fait au Nom de la Commission de la Justice*, 23 Décembre 1998, Disponible sur :<https://www.senate.be/www/?Mival=publications/viewPub.html&COLL=S&LEG=1&NR=1217&VOLG NR=1&LANG=fr>.
- [27] Loi du 4 mai 1999 Instaurant la Responsabilité Pénale des Personnes Morales. (1999). *Moniteur Belge*, 22 Juin 1999. [https://www.stradalex.com/fr/sl\\_rev\\_utu/toc/jt\\_1999\\_32-fr/doc/jt1999\\_32p653](https://www.stradalex.com/fr/sl_rev_utu/toc/jt_1999_32-fr/doc/jt1999_32p653).